

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trí Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang cư trú: Tổ 2, khu phố 5, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phiên tòa có mặt: Anh H; chị B có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 23/4/2021, lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H; ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị B tại văn bản ngày 26/4/2021; ngày 10/10/2021 và tại phiên tòa như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2004 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn công việc và chỗ ở, cụ thể:

Do chị em của chị B đều có nhà ở, ổn định cuộc sống trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoảng năm 2013, anh H và chị B có vào ở nhờ tại nhà anh rể chị B (anh H) ở huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm việc, phát triển kinh tế. Đến năm 2016, anh H và chị B chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn 3, xã C thì xảy ra mâu thuẫn, vì vợ chồng mới về được 01 tháng chị B lại đòi vào Bà Rịa - Vũng Tàu ở. Anh H không đồng ý, vì so sánh thu nhập đi làm ở xa cũng không cao hơn ở nhà; bố mẹ anh đều đã già yếu, ốm đau luôn, trong khi gia đình có 05 anh chị em, các anh chị đều ổn định cuộc sống ở xa. Bản thân anh là con út, ở cùng bố mẹ nên anh muốn làm ở nhà để tiện chăm sóc cho bố mẹ nhưng chị B cố tình một mình bỏ vào Bà Rịa - Vũng Tàu làm ăn nên từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh H và chị B mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 7/2018, khi chị B tự ý đưa cả 02 con chung vào Bà Rịa - Vũng Tàu ở, bất chấp sự phản đối của anh H và gia đình. Anh H và chị B đã chính thức sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm gì đến cuộc sống chung.

Nay anh Nguyễn Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Nguyễn Thị B. Chị B nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

2. Về con chung: Anh H và chị B cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và cháu Nguyễn Linh C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007 đều do chị B đang nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh H và chị B cùng thống nhất để chị B tiếp tục nuôi dưỡng cho cả 02 con chung, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Nguyện vọng cả 02 cháu Nguyễn Đức G và Nguyễn Linh C đều đề nghị xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Nguyễn Thị B.

4. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng chị B có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Anh H và chị B đều từ chối hòa giải nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị Nguyễn Thị B và đồng ý để chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là Nguyễn Đức G và Nguyễn Linh C. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Các vấn đề khác anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Anh Hiệp và chị Biên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chị Biên có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và cháu Nguyễn Linh C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị B và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Biên có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B là hợp pháp. Anh H và chị B cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn công việc, chỗ ở và đã sống ly thân từ tháng 7/2018. Từ đó đến nay đã hơn 03 năm, không ai quan tâm trách nhiệm gì đến cuộc sống chung. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của anh Hiệp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị B đều có quan điểm chung, thống nhất giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Linh C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Việc thống nhất của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của cháu G và cháu C, giúp cho các cháu ổn định học tập nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Đức G, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004 và cháu Nguyễn Linh C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007. Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng mức cấp dưỡng chung cho cả 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi các cháu G và C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng;

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Cộng án phí anh H phải nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2015/0003915 ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Anh H còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với anh H kể từ ngày tuyên án. Với chị B kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C, huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh Thành Nam